

# SỰ PHÁT TRIỂN XÚC CẢM, TÌNH CẢM VÀ CÁC KĨ NĂNG XÃ HỘI Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

• **TS. NGUYỄN CÔNG KHANH**  
*Đại học Quốc gia Hà Nội*

Hầu hết học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) nằm ở nhóm vị thành niên giữa và vị thành niên muộn, từ 15 - 19 tuổi. Đây là một giai đoạn chuyển tiếp của sự phát triển từ tuổi thơ sang người lớn. Đây là giai đoạn đặc biệt, duy nhất của cuộc sống vì xảy ra đồng thời một loạt những thay đổi, bao gồm: sự chín muồi về thể chất, sự biến đổi, điều chỉnh tâm lí và sự biến đổi các quan hệ xã hội nhằm đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ phát triển. Đây cũng là giai đoạn phát triển có nhiều khó khăn hơn, thậm chí khủng hoảng so với các lứa tuổi khác. Tốc độ lớn ở HS THPT so với cuối tuổi THCS có phần chậm lại, nhưng những biến đổi về tâm lí lại diễn ra mạnh hơn cả về phạm vi và mức độ.

Những công trình nghiên cứu sự phát triển tâm sinh lí của lứa tuổi vị thành niên gần đây quan niệm: lứa tuổi này như là một giai đoạn phát triển đi qua một loạt những lớp sự kiện, những kinh nghiệm, sự trải nghiệm hay những nhiệm vụ phát triển được xác định về mặt xã hội.

## 1. Sự phát triển xúc cảm, tình cảm ở HS THPT

Ngoài sự phát triển mạnh tư duy trừu tượng, lứa tuổi HS THPT còn có những biến đổi tâm lí đặc trưng khác như:

- Nỗ lực cao nhất tìm kiếm sự độc lập, tách khỏi sự kiểm soát của cha mẹ (vì vậy các em hay có xung đột với cha mẹ);
- Phát triển mạnh cá tính và sự xã hội hoá;
- Có xu hướng lí tưởng hoá, vị tha (định hướng vào cái tôi xã hội);
- Tiếp tục quan tâm đến hình ảnh của cơ thể (thích chăm sóc cơ thể);
- Thích hò hẹn, khám phá giới kia (nhu cầu hấp dẫn, chinh phục bạn khác giới), nhóm bạn có vị trí quan trọng số 1, đặc biệt là bạn khác giới.
- Biểu lộ mạnh mẽ xúc cảm yêu đương, hay nhầm lẫn ngộ nhận giữa xúc cảm bạn bè khác giới và tình yêu, dễ yêu, dễ thất vọng.

Những năm đầu ở THPT (khoảng 15-16

tuổi) các em tiếp tục nỗ lực tìm kiếm sự độc lập, muốn tách khỏi sự quản lí kiểm soát của gia đình. Trẻ em ở tuổi này hay phê phán cha mẹ chúng, đó cũng có thể là một cách làm giảm đi quyền lực đặc trưng của cha mẹ. Nhưng các em rất cần cha mẹ với tư cách là chỗ dựa tin cậy, chỗ để tranh luận - "bắt bẻ" hay cãi lí, có thể bằng cách này các em phát triển tư duy trừu tượng và ít nhiều thoả mãn nhu cầu được làm người lớn, được đối xử như người lớn.

HS THPT thường nỗ lực tìm kiếm những quan hệ ngoài gia đình, hướng tới những người bạn đồng lứa. Tuổi này có nhu cầu đặc biệt về tình bạn, cảm nhận được những tình tế trong tình bạn. Nhu cầu tình bạn trở thành cấp thiết và quan trọng nhất, đặc biệt là nhu cầu về người bạn khác giới: các em rất sợ cô đơn, sợ bị bạn tẩy chay... Bạn không phải là người cùng chơi, cùng hoạt động, cùng sở thích hứng thú... mà là đối tượng để tâm tình, chia sẻ những bất an để nhận xét phê phán, đồng nhất mình với bạn. Đây là lúc xúc cảm tình cảm phát triển mạnh (tràn đầy xúc cảm, dễ xúc động, khó kiềm chế xúc cảm bột phát, dễ bị tổn thương). Tuy nhiên trạng thái tình cảm của các em lúc này thường dễ thay đổi, chưa ổn định, thoát vui rồi lại thoát buồn, khó kiểm soát xung tính, dễ bị kích động (dễ nổi nóng, dễ nản ở con trai... dễ khóc, dễ tủi thân ở con gái).

Đây là lứa tuổi phát triển những xúc cảm yêu đương: dễ rung động trước người bạn khác giới, có nhu cầu cao về sự hấp dẫn quyến rũ tình dục, nhưng cũng dễ nhầm lẫn giữa bản năng tình dục, xúc cảm yêu đương với tình yêu. Các em có nhu cầu thử nghiệm muốn khám phá các năng lực trong quan hệ tình dục và có không ít những vấp ngã, song đó là cách để các em chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo (học cách bày tỏ và kiểm soát xúc cảm, phát triển năng lực biết yêu và được yêu).

Do tư duy logic ngôn ngữ phát triển, các em thích sưu tầm danh ngôn, thích văn thơ triết lí, nhu cầu thần tượng hoá cũng nổi rõ, nhưng các

em cũng hay cực đoan trong ý nghĩ và hành động. Không ít những chàng trai hay các cô gái tuổi này thích những trò nghịch ngợm tình quái, thích những hành động “anh hùng”, phiêu lưu, mạo hiểm vì vậy chúng hay bị lôi kéo vào các hoạt động của nhóm bạn xấu, hay bị kẻ xấu lợi dụng. Nhà tâm lý học Mĩ nổi tiếng Fountain đã tóm tắt thành 5 đặc điểm tâm lý nổi bật của lứa tuổi 15-17 làm cho các em khác với người lớn:

\* Lứa tuổi này có khuynh hướng bộc lộ sự căng thẳng và tính hay thay đổi của tình cảm với sự dao động lên xuống bất thường của việc lựa chọn đối tượng. Trẻ ở tuổi này có nhu cầu tìm kiếm những kinh nghiệm cảm xúc và hình như điều này buộc nó phải đi ra ngoài con đường quen thuộc của nó để tìm kiếm những xúc cảm mới lạ.

\* Lứa tuổi này có nhu cầu về sự hài lòng thường xuyên và ngay lập tức. Các em luôn khổ sở vì những chuyện không đâu (những chuyện người lớn cho là vớ vẩn không quan trọng), các em thường có cảm giác không thể chịu đựng nổi nhiều nỗi lo lắng và có nhu cầu phải giữ được hứng thú thường xuyên.

\* Lứa tuổi này có thể không hiểu được những hậu quả có thể có từ những hành vi của mình (vì vậy hay hành động bất chấp những hậu quả) và dễ hiểu sai tình cảm, hành vi của người khác.

\* Trẻ ở tuổi này hay có những thất bại về sự tự phê phán, đó là những thất bại trong việc nhận biết tính mâu thuẫn, tính không thích hợp và tính vô lý của chính mình.

\* Nhận thức của tuổi này về thế giới xung quanh khác với nhận thức của người lớn. Các em có một thế giới về mình với những quyền lợi, điều tốt, điều phải riêng của chúng. Các em ít có khả năng nhận biết rõ ràng mối quan hệ giữa bản thân với người khác và ít có khả năng nhận biết

rõ các sự kiện mà chúng không liên quan trực tiếp đến chính bản thân.

Giai đoạn cuối THPT tương đương với tuổi vị thành niên muộn (17-19 tuổi). Đây là giai đoạn sau dậy thì, các em thường có những biến đổi tâm lý đặc trưng sau:

- Khẳng định (tuyên bố) sự độc lập.
- Tạo dựng hình ảnh tương đối ổn định về bản thân.
- Tình yêu thực tế hơn, phát triển sự cam kết
- Nhóm bạn trở nên ít quan trọng hơn, kén chọn bạn hơn.
- Phát triển những cấu trúc tâm lý tương đối bền vững về các giá trị đạo đức, đạo lý, về các mục đích sống của bản thân.
- Có khả năng suy nghĩ trừu tượng.
- Hay suy nghĩ về quá khứ và tương lai.

Giai đoạn lứa tuổi đầu thanh niên, các em đã trở nên giống người lớn hơn về nhiều phương diện. Các em đã có cách suy nghĩ, nhận xét, cam kết, chín chắn của người lớn trong quan hệ với công việc, trong quan hệ với người khác. Các em giống người lớn hơn trong sự thống nhất bên trong, trong đánh giá về bản thân, các giá trị đạo đức, đạo lý, các mục đích sống của bản thân ở các em có tính thực tế hơn. Các em được thừa nhận về mặt xã hội như người lớn (có quyền bầu cử, có quyền nhận bằng lái xe...). Tuy nhiên các em vẫn cần một khoảng thời gian nữa để thực sự thành người lớn-người trưởng thành.

Một nhánh của đề tài cấp nhà nước KX-05-06 nghiên cứu về sự phát triển xúc cảm, tình cảm trên 1177 HS THPT của 6 tỉnh và thành phố (Hoà Bình, Hà Nội, Đà Nẵng, Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, Long An). Nhánh này tập trung nghiên cứu trí thông minh cảm xúc (EQ): năng lực nhận biết những tình cảm của mình và của người khác, bày tỏ tình cảm, hoà xúc cảm vào suy nghĩ, để hiểu, suy luận về xúc cảm và để điều khiển, kiểm soát xúc cảm của mình và của người

khác. Trong nghiên cứu này, EQ được đo bằng trắc nghiệm MSCEIT. Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm EQ (điểm chuẩn) tăng đáng kể ở giai đoạn giữa lớp 10 - 11, nhưng không tăng ở giai đoạn lớp 11-12. Có sự khác biệt rất đáng kể giữa nam và nữ. Điểm EQ trung bình của các em HS nữ ở cả ba khối

Bảng 1: Sự khác biệt về điểm EQ giữa HS THPT theo giới tính và khối lớp (đo bằng trắc nghiệm MSCEIT)

Lớp	Mẫu (N)		Điểm EQ trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Mức độ khác biệt
10	Nam	147	92.88	15.0	.000
	Nữ	209	98.95	13.3	
11	Nam	128	96.17	14.6	.01
	Nữ	189	100.28	13.4	
12	Nam	147	96.62	15.0	.02
	Nữ	209	100.66	14.8	

10, 11, 12 đều cao hơn điểm của các em nam (xem bảng 1).

Có sự khác biệt đáng kể về EQ giữa HS thành phố và nông thôn. Các em HS sống ở khu vực thành phố do có những điều kiện giao lưu

văn hóa xã hội tốt hơn nên có điểm EQ cao hơn hẳn so với HS nông thôn (xem bảng 2)

Có sự khác biệt rất lớn về điểm EQ giữa các trường (xem bảng 3), điều này một lần nữa cho thấy sự khác biệt về điều kiện, môi trường văn

hoá xã hội giữa các trường là yếu tố quyết định rất lớn đến sự phát triển trí thông minh cảm xúc. Các trường ở khu vực thành phố thường có điều kiện tốt hơn các trường nông thôn, điều này giải thích tại sao HS thành phố có điểm EQ cao hơn HS nông thôn.

**Bảng 2: Sự khác biệt về điểm EQ giữa HS THPT thành phố và nông thôn (đo bằng trắc nghiệm MSCEIT)**

Lớp	Mẫu (N)	Điểm EQ trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Mức độ khác biệt	
10	Thành phố	146	98.32	15.7	.039
	Nông thôn	210	95.14	13.2	
11	Thành phố	117	101.48	15.0	.005
	Nông thôn	200	96.96	13.1	
12	Thành phố	118	102.66	14.2	.000
	Nông thôn	182	96.47	15.0	

**Bảng 3: Sự khác biệt về điểm EQ giữa HS các trường THPT (đo bằng trắc nghiệm MSCEIT)**

Trường THPT	Mẫu (N)	Điểm EQ trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Mức độ khác biệt
Phan Đình Phùng (Hà Nội)	124	101.93	13.85	.000
Sóc Sơn (Hà Nội)	120	96.57	12.13	
Kim Bôi (Hoà Bình)	108	95.29	14.09	
Nguyễn Bình Khiêm (Đắc Lắc)	112	92.87	15.65	
Phan Chu Trinh (Đà Nẵng)	130	98.26	14.87	
Bán công Châu Thành (Long An)	112	92.63	13.51	
Hùng Vương (TP HCM)	127	101.79	16.26	
Nguyễn Hữu Cầu (TP.HCM)	140	101.95	11.43	

**Bảng 4: Sự khác biệt về điểm EQ của HS THPT theo nghề nghiệp của bố mẹ (đo bằng trắc nghiệm MSCEIT)**

Nghề nghiệp của bố mẹ	Mẫu (N)	Điểm EQ trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Mức độ khác biệt
<b>Nghề nghiệp của bố</b>				.000
Công nhân	136	100.97	12.69	
Nông dân	254	92.77	13.62	
Trí thức	24	97.03	15.57	
Cán bộ viên chức	208	99.61	14.21	
Doanh nhân	82	101.33	13.49	
Lực lượng vũ trang	56	102.19	14.44	
Nội trợ	7	88.39	19.02	
Nghề tự do	138	100.12	14.76	
<b>Nghề nghiệp của mẹ</b>				.000
Công nhân	82	102.81	11.13	
Nông dân	263	92.91	13.71	
Trí thức	36	100.75	13.99	
Cán bộ viên chức	180	99.12	15.13	
Doanh nhân	70	102.31	12.76	
Lực lượng vũ trang	8	107.72	9.31	
Nội trợ	165	100.56	14.17	
Nghề tự do	122	97.38	14.73	

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nghề nghiệp của cha mẹ là một yếu tố đặc biệt quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến chỉ số EQ. Nhóm HS có bố/ mẹ làm nghề nông có điểm EQ thấp nhất (xem bảng 4).

## 2. Sự phát triển các kỹ năng xã hội ở HS THPT

Một nhánh của đề tài trọng điểm B2 (đã nêu ở phần trên) nghiên cứu về kỹ năng xã hội của HS THPT trên 4 nhóm kỹ năng cơ bản:

- Nhóm Kỹ năng hợp tác (Cooperation): Đó là những hành vi giúp người khác, chia sẻ tài liệu, tuân thủ cam kết hoặc cùng chung sức hoàn thành một công việc, cùng phối hợp hành động trong một lĩnh vực nào

Bảng 5: Sự khác biệt về điểm kĩ năng xã hội giữa HS nam và nữ ở THPT

Các kĩ năng	HS	Mẫu (N)	Điểm TB	Độ lệch chuẩn	Mức độ khác biệt
Hợp tác	Nam	1727	14.25	2.98	.000
	Nữ	1872	14.81	2.61	
Quyết đoán	Nam	1727	10.62	3.36	.000
	Nữ	1872	9.71	3.14	
Đồng cảm	Nam	1727	13.43	2.97	.157
	Nữ	1872	13.56	2.68	
Tự kiểm chế	Nam	1727	12.91	3.55	.046
	Nữ	1872	12.68	3.34	
KNXH (tổng)	Nam	1727	51.21	9.97	.157
	Nữ	1872	50.76	8.87	

Bảng 6: Điểm trung bình và độ lệch chuẩn ở từng kĩ năng xã hội của HS thành phố và nông thôn (từ lớp 6 đến lớp 12).

Các kĩ năng	Khối lớp	Mẫu		Điểm Trung bình		Độ lệch chuẩn		Mức độ khác biệt
		Thành phố	Nông thôn	Thành phố	Nông thôn	Thành phố	Nông thôn	
Hợp tác	6	495	699	15.54	14.31	2.84	3.27	.000
	7	462	757	15.10	14.41	2.74	3.23	
	8	480	749	14.51	14.58	2.88	3.29	
	9	457	747	14.78	14.55	2.84	3.05	
	10	495	713	14.24	14.83	2.81	2.81	
	11	435	737	14.29	14.74	2.74	2.80	
	12	395	832	14.24	14.57	2.71	2.84	
	Tổng	3219	5234	14.69	14.57	2.84	3.05	
Quyết đoán	6	495	699	10.71	10.35	3.41	3.36	.075
	7	462	757	10.63	10.19	3.56	3.69	
	8	480	749	10.39	10.02	3.25	3.39	
	9	457	747	10.36	10.06	3.53	3.31	
	10	495	713	10.12	10.20	3.50	3.18	
	11	435	737	10.03	10.22	3.37	3.22	
	12	395	832	10.35	10.01	3.14	3.30	
	Tổng	3219	5234	10.37	10.15	3.41	3.35	
Đồng cảm	6	495	699	13.44	12.86	2.92	3.23	.001
	7	462	757	13.38	12.73	2.97	3.40	
	8	480	749	13.40	13.08	2.72	3.28	
	9	457	747	13.64	12.97	2.95	3.09	
	10	495	713	13.51	13.49	2.93	2.81	
	11	435	737	13.13	13.60	2.99	2.85	
	12	395	832	13.66	13.53	2.63	2.76	
	Tổng	3219	5234	13.45	13.18	2.88	3.08	
Tự kiểm chế	6	495	699	13.38	12.62	3.49	3.73	.000
	7	462	757	12.66	12.27	3.45	3.75	
	8	480	749	12.07	12.71	3.30	3.80	
	9	457	747	12.48	12.61	3.38	3.70	
	10	495	713	11.99	13.05	3.40	3.59	
	11	435	737	12.47	13.11	3.28	3.50	
	12	395	832	12.42	13.09	3.18	3.40	
	Tổng	3219	5234	12.50	12.78	3.39	3.64	
KNXH (tổng)	6	495	699	53.07	50.14	10.01	10.95	.000
	7	462	757	51.77	49.60	9.66	11.59	
	8	480	749	50.36	50.39	8.87	11.21	
	9	457	747	51.26	50.19	9.65	10.26	
	10	495	713	49.86	51.57	9.56	9.43	
	11	435	737	49.91	51.67	9.51	9.56	
	12	395	832	50.66	51.20	8.52	9.46	
	Tổng	3219	5234	51.01	50.68	9.48	10.40	

đó nhằm một mục đích chung.

- Nhóm Kĩ năng quyết đoán, tự khẳng định (Assertion): Đó là những hành vi chủ động đề nghị người khác cung cấp thông tin, tự giới thiệu về mình, kiên định khi bị người khác gây sức ép, bảo vệ một cách tích cực chủ kiến, quan điểm của mình trước mọi người.

- Nhóm Kĩ năng đồng cảm (Empathy): Đó là sự quan tâm, trân trọng tình cảm, ý kiến của người khác, mong muốn được chia sẻ với họ, đồng thời thấu hiểu những khó khăn riêng và biết cách chia sẻ tâm tư, tình cảm với người khác.

- Nhóm Kĩ năng kiểm chế, tự kiểm soát (Self-control): Đó là hành vi biết kiểm chế trong các tình huống xung đột, biết cách kiểm chế xúc cảm hoặc biết tự làm chủ tình cảm của mình không để những nhu cầu mong muốn, hoàn cảnh hoặc người khác chi phối.

Bảng 5 trình bày sự khác biệt điểm số ở từng kĩ năng xã hội của nhóm HS THPT theo giới tính. Nhóm HS nam có điểm số cao hơn ở Kĩ năng quyết đoán nhưng nhóm nữ sinh lại có điểm số cao hơn ở Kĩ năng hợp tác và Kĩ năng đồng cảm. Tuy nhiên không có sự khác nhau đáng kể về kĩ năng xã hội (thang điểm tổng) giữa nam và nữ

**Bảng 7: Sự khác biệt về điểm số kĩ năng xã hội giữa HS các trường THPT**

Tiểu trắc nghiêm/ trắc nghiêm	HS các trường THPT	Mẫu	Điểm Trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ khác biệt có ý nghĩa (nếu $p < .05$ )
Hợp tác	Phú Tâm (Sóc Trăng)	348	14.46	2.89	.000
	Nội trú thị xã Sóc Trăng	231	15.00	2.76	
	Nguyễn Huệ (TP Huế)	311	13.87	2.68	
	THPT A Lưới (Huế)	275	13.88	3.09	
	Lý Thường Kiệt, (TP HCM)	286	14.28	2.78	
	Nguyễn Du (TP HCM)	269	13.90	2.78	
	Nguyễn Khuyến (Nam Định)	336	15.27	2.25	
	Nghĩa Hưng A (Nam Định)	318	15.34	2.57	
	Phủ Thông (Bắc Cạn)	293	15.32	2.49	
	Phan Đình Phùng (Hà Nội)	399	13.95	2.97	
	Sóc Sơn (Hà Nội)	242	15.05	2.66	
	Dân tộc Nội trú (Bắc Cạn)	299	14.36	2.95	
Tổng	3607	14.54	2.81		
Quyết đoán	Phú Tâm (Sóc Trăng)	348	10.10	3.27	.000
	Nội trú thị xã Sóc Trăng	231	10.61	3.21	
	Nguyễn Huệ (TP Huế)	311	9.35	3.35	
	THPT A Lưới (Huế)	275	9.32	3.04	
	Lý Thường Kiệt, (TP HCM)	286	9.69	3.14	
	Nguyễn Du (TP HCM)	269	9.99	3.49	
	Nguyễn Khuyến (Nam Định)	336	10.33	3.20	
	Nghĩa Hưng A (Nam Định)	318	9.57	3.27	
	Phủ Thông (Bắc Cạn)	293	10.75	3.24	
	Phan Đình Phùng (Hà Nội)	399	10.78	3.24	
	Sóc Sơn (Hà Nội)	242	10.34	3.38	
	Dân tộc Nội trú (Bắc Cạn)	299	10.79	3.04	
Tổng	3607	10.14	3.28		
Đồng cảm	Phú Tâm (Sóc Trăng)	348	13.32	2.77	.000
	Nội trú thị xã Sóc Trăng	231	13.66	3.03	
	Nguyễn Huệ (TP Huế)	311	12.93	2.78	
	THPT A Lưới (Huế)	275	12.96	2.95	
	Lý Thường Kiệt (TP HCM)	286	13.19	2.71	
	Nguyễn Du (TP HCM)	269	13.06	2.94	
	Nguyễn Khuyến (Nam Định)	336	13.96	2.57	
	Nghĩa Hưng A (Nam Định)	318	13.87	2.68	
	Phủ Thông (Bắc Cạn)	293	13.79	2.84	
	Phan Đình Phùng (Hà Nội)	399	13.75	2.99	
	Sóc Sơn (Hà Nội)	242	13.81	2.68	
	Dân tộc Nội trú (Bắc Cạn)	299	13.53	2.76	
Tổng	3607	13.50	2.83		

trong mẫu nghiên cứu HS THPT.

Bảng 6 trình bày sự khác biệt điểm số trung bình ở từng kĩ năng xã hội theo khối lớp giữa HS thành phố và HS nông thôn. Kết quả so sánh cho thấy sự phát triển kĩ năng xã hội dường như không tăng tiến theo sự tăng tiến lứa tuổi như người ta thường nghĩ. Không phải HS càng lên lớp trên thì càng có kĩ năng xã hội tốt hơn (số liệu ở mẫu chuẩn hóa trên HS Mĩ cũng cho kết luận tương tự: có rất ít mối liên quan giữa sự phát triển các kĩ năng XH với lứa tuổi hay lớp). Mặc dù một số khối lớp có sự khác biệt có ý nghĩa về điểm số ở một số kĩ năng xã hội giữa HS thành phố và nông thôn (HS thành phố có điểm số cao hơn ở một số kĩ năng và ở một số khối lớp), nhưng nhìn chung sự chênh lệch điểm số giữa hai nhóm HS thành phố và HS nông thôn không lớn. Hơn nữa, có một số khối lớp không có sự khác biệt đáng kể về điểm số kĩ năng xã hội giữa HS thành phố và nông thôn.

Bảng 7 trình bày sự khác biệt điểm số trung bình ở từng kĩ năng xã hội theo trường. Kết quả so sánh cho thấy sự phát triển kĩ năng xã hội có sự khác biệt



Tự kiểm chế	Phú Tâm (Sóc Trăng)	348	12.53	3.67	.000
	Nội trú thị xã (Sóc Trăng)	231	13.01	3.81	
	Nguyễn Huệ (TP Huế)	311	11.87	3.22	
	THPT A Lưới (Huế)	275	12.16	3.57	
	Lý Thường Kiệt (TP HCM)	286	12.55	2.97	
	Nguyễn Du (TP HCM)	269	12.19	3.29	
	Nguyễn Khuyến (Nam Định)	336	13.20	3.01	
	Nghĩa Hưng A (Nam Định)	318	13.90	3.40	
	Phủ Thông (Bắc Cạn)	293	13.92	3.10	
	Phan Đình Phùng (Hà Nội)	399	11.84	3.47	
	Sóc Sơn (Hà Nội)	242	13.61	3.33	
Dân tộc Nội trú (Bắc Cạn)	299	13.05	3.51		
Tổng	3607	12.79	3.44		
Kĩ năng xã hội (tổng)	Phú Tâm (Sóc Trăng)	348	50.41	9.68	.000
	Nội trú thị xã Sóc Trăng	231	52.29	10.04	
	Nguyễn Huệ (TP Huế)	311	48.03	8.92	
	THPT A Lưới (Huế)	275	48.32	9.67	
	Lý Thường Kiệt, (TP HCM)	286	49.71	8.73	
	Nguyễn Du (TP HCM)	269	49.13	9.44	
	Nguyễn Khuyến (Nam Định)	336	52.76	8.04	
	Nghĩa Hưng A (Nam Định)	318	52.69	9.06	
	Phủ Thông (Bắc Cạn)	293	53.79	8.92	
	Phan Đình Phùng (Hà Nội)	399	50.33	9.67	
	Sóc Sơn (Hà Nội)	242	52.81	9.32	
Dân tộc Nội trú Bắc Cạn	299	51.73	9.53		
Tổng	3607	50.97	9.42		

ảnh hưởng của yếu tố giới tính, thì ngược lại sự phát triển xúc cảm, tình cảm và kĩ năng xã hội chịu ảnh hưởng nhiều của yếu tố giới tính, ít chịu ảnh hưởng của yếu tố lứa tuổi, vùng miền. Những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể nhất, tạo ra sự khác biệt lớn nhất về sự phát triển nhận thức, tình cảm và các kĩ năng xã hội của lứa tuổi HS THPT lại chính là chất lượng giáo dục của nhà trường và gia đình.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Bar-On. R & Parker. J.D.A (2000). The Handbook of Emotional Intelligence. JOSSEY-BASS.
- 2- Cherniss. C & Goleman. D (2001). The

Emotionally Intelligent Workplace. JOSSEY-BASS.

- 3- Goleman. D (1995). Emotional Intelligence. Bloomsbury Publishing Plc.
- 4- Goleman. D (1998). Working With Emotional Intelligence. BANTAM BOOKS.
- 5- Nguyễn Công Khanh. (2004). *Đánh giá & Đo lường trong KHXH*. NXB Chính trị Quốc gia.
- 6- Nguyễn Công Khanh. (2000). *Hướng dẫn sử dụng SPSS for Windows để xử lí, phân tích số liệu nghiên cứu trong KHXH*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

rất lớn giữa các trường. Trong khi sự khác biệt điểm số trung bình giữa HS thành phố-nông thôn, giữa nam-nữ, giữa HS các khối lớp không lớn (chỉ chênh khoảng 0.5 điểm ở từng tiểu trắc nghiệm đánh giá từng kĩ năng và khoảng 1-1.5 điểm ở trắc nghiệm tổng đánh giá cả 4 nhóm kĩ năng xã hội) thì sự khác biệt điểm trung bình giữa các trường là rất lớn (chênh tới 2-3 điểm ở từng tiểu trắc nghiệm đánh giá từng kĩ năng và khoảng 7 điểm ở trắc nghiệm tổng đánh giá cả 4 nhóm kĩ năng xã hội. Điều này cho thấy nhà trường có vai trò quan trọng đặc biệt, quyết định sự phát triển các kĩ năng xã hội này.

Tóm lại, sự phát triển nhận thức, tình cảm và các kĩ năng xã hội của lứa tuổi HS THPT chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: giới tính, tuổi, vùng miền, nhà trường và gia đình. Các yếu tố này ở những giai đoạn phát triển khác nhau có mức độ ảnh hưởng khác nhau. Trong khi sự phát triển nhận thức của HS từ THCS đến THPT chịu ảnh hưởng đáng kể của lứa tuổi, vùng miền và ít chịu

#### SUMMARY

*Through synthesizing the results and data obtained by several studies, the author makes a deep analysis of the development of cognition, emotions, sentiments and social skills of upper secondary school students – a transitional period from children to adults with major psychological and physiological changes.*